

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN LŨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1154/QĐ-UBND

Tiên Lũ, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN LŨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND huyện Tiên Lũ (cũ) về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của UBND huyện Tiên Lũ (cũ) về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết rút gọn dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều;

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND xã Tiên Lũ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND xã Tiên Lũ về việc phê duyệt điều chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 256/TTr-KT ngày 21/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều với các nội dung chủ yếu sau:

1. **Tên dự án:** Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều;
2. **Địa điểm xây dựng:** xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.
3. **Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND xã Tiên Lữ.
4. **Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Tiên Lữ.
5. **Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Tấn Phát Hưng Yên.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính thuộc dự án:

- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng để xây dựng khu dân cư mới có kiến trúc hiện đại, đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối hài hòa với các công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật lân cận; đáp ứng nhu cầu về nhà ở. Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội xã Tiên Lữ nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 4 xã Hải Triều theo quy hoạch đã được phê duyệt với tổng diện tích 18.024,4 m². Cụ thể như sau:

* Vị trí khu đất: thuộc xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, có ranh giới như sau:

- Phía Tây Bắc giáp khu đất được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi đất tại Thông báo số 94/TB-UBND ngày 18/4/2019 (Khu dân cư mới số 2 xã Hải Triều);

- Phía Tây Nam giáp nương thủy lợi hiện trạng;
- Phía Đông Nam giáp nương thủy lợi hiện trạng;
- Phía Đông Bắc giáp đường tỉnh ĐT.376.

* Tổng diện tích đất quy hoạch: 18.024,4 m², trong đó:

- Diện tích đất ở liền kề: 8.447,8 m².
- Diện tích đất cây xanh: 797,9 m².
- Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật: 244,9 m².
- Diện tích giao thông, vỉa hè: 8.533,8 m².

8.2. Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a. San nền:

- San nền khu vực chia lô trong dự án bằng cát đen, cao độ san nền thấp nhất +2,30, cao nhất +2,75; chiều dày lớp san nền trung bình 1,35m (chưa bao gồm vét hữu cơ), đảm bảo độ chặt K=0,90.

- San nền khu cây xanh bằng đất tận dụng, cao độ san nền thấp nhất +2,48, cao nhất +2,56; chiều dày lớp san nền trung bình 1,34m, đảm bảo độ chặt K=0,90.

- Đắp bờ bao san lấp giáp nương phía Tây dự án bằng đất tận dụng độ chặt K90. Chiều rộng bờ bao B=3,0m; độ dốc mái đắp 1/1,5.

b. Hệ thống giao thông:

* Gồm 5 tuyến đường nội bộ, tổng chiều dài các tuyến L=557,08m.

- Tuyến 1: Bề rộng nền đường $B_n=33,0m$; bề rộng mặt đường $B_m=7,5m$, độ dốc ngang $i_m=2\%$; bề rộng vỉa hè $B_{vh}=21,5+4,0=25,5m$, độ dốc $i_{vh}=2\%$.

- Tuyến 2, tuyến 3, tuyến 4: Bề rộng nền đường $B_n=15,5m$; bề rộng mặt đường $B_m=7,5m$, độ dốc 2% ; bề rộng vỉa hè 2 bên $B_{vh}=2 \times 4,0=8,0m$, độ dốc $i_{vh}=2\%$.

- Tuyến 5: Bề rộng nền đường $B_n=12,5m$; bề rộng mặt đường $B_m=7,5m$ độ dốc 2% ; bề rộng vỉa hè trái $B_{vhtl}=4,0m$, độ dốc $i_{vh}=2\%$; bề rộng lề đường phải $B_{lle}=1,0m$, độ dốc $i_{lle}=4\%$.

* Kết cấu nền áo đường từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp BTN C16 dày 7cm;
- + Móng cấp phối đá dăm lớp trên (loại I), dày 15cm, $K \geq 0,98$;
- + Móng cấp phối đá dăm lớp dưới (loại II), dày 25cm, $K \geq 0,98$;
- + Lớp cát đen đầm chặt $K=0,98$ dày 50cm;
- + Tôn nền bằng cát đen đầm chặt $K=0,95$ (nếu có).

* Kết cấu vỉa hè từ trên xuống dưới như sau:

- + Lát gạch tự chèn dày 5,3cm;
- + Lớp móng cát vàng dày 10cm.
- + Nền cát đen đầm chặt $K=0,95$.

* Hồ trồng cây xanh trên vỉa hè: hồ trồng cây được xây bằng gạch không nung VXM mác 75.

* Tường chắn: Xây dựng tường chắn bằng BTXM mác 200 phía mương thủy lợi trên tuyến đường số 5.

* An toàn giao thông: Bố trí biển báo, sơn vạch kẻ đường theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41/2024; màn phản quang dành cho báo hiệu đường bộ theo TCVN 7887:2018; gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế theo TCCS 34: 2020/TCĐBVN.

* Kết cấu khác: rãnh tam giác, Block vỉa hè bằng bê tông mác 250 đúc sẵn; Bó gáy hè xây gạch không nung VXM mác 75.

c. Hệ thống thoát nước thải:

- Thoát nước thải sử dụng hệ thống rãnh xây B300 và cống BTCT D400 nằm dưới vỉa hè kết hợp hệ thống các hố ga thăm.

- Cấu tạo rãnh B300, cống D400, hố ga thăm:

+ Rãnh B300: xây bằng gạch không nung. Xà mũ bằng BTCT M200. Tấm đan bằng BTCT M200.

+ Cống BTCT D400 đúc sẵn, đặt trên đế cống đúc sẵn; Đệm đá dăm đoạn ngang đường bằng đá 2x4.

+ Hố ga thăm: tường xây gạch không nung VXM mác 75, trát VXM mác 75; đáy móng BTCT mác 200, đệm lót móng đá dăm 2x4; nắp đáy tấm đan BTCT mác 200 kết hợp nắp ga composite.

d. Hệ thống thoát nước mưa:

- Thoát nước mưa sử dụng hệ thống cống tròn BTCT đúc sẵn D400, D600,

D1000 thu nước mặt của dự án sau đó thoát vào kênh T1-5 trạm bơm Triều Dương.

- Nước mưa từ đường, vỉa hè được thu trực tiếp hai bên đường bằng hố thu, từ hố thu nước chảy vào hố ga thăm qua ống PVC.

- Cấu tạo hố thu, hố ga thăm:

+ Hố thu: tường và đáy móng BTCT mác 200, đệm lót móng đá dăm 2x4; nắp đáy song chắn rác composite;

+ Hố ga thăm: tường xây gạch không nung VXM mác 75, trát VXM mác 75; đáy móng BTCT mác 200, đệm lót móng đá dăm 2x4; nắp đáy tấm đan BTCT đá mác 200 kết hợp nắp ga composite.

e. Thoát nước ngang đường:

- Xây dựng 4 công ngang đường trên các tuyến:

Tên công	Tuyến	Lý trình	Khẩu độ (BxH)	Chủng loại
C1	Tuyến 1	Km0+83,0	Cống hộp đôi nxBxH=2x3,0x1,5m	BTCT đổ tại chỗ
C2	Tuyến 2	Km0+82,0	Cống hộp BxH=2,0x2,0m	BTCT đúc sẵn
C3	Tuyến 3	Km0+78,5	Cống hộp BxH=2,0x2,0m	BTCT đúc sẵn
C4	Tuyến 5	Km0+4,0	Cống hộp BxH=2,0x2,0m	BTCT đúc sẵn

- Kết cấu cống hộp đổ tại chỗ: Móng, thân, nắp cống bằng BTCT mác 300 đổ tại chỗ, trên lớp đệm móng BTXM M150 đổ tại chỗ. Gia cố móng bằng cọc tre D6-8cm, L=2,5m.

- Kết cấu cống hộp đúc sẵn: Cống hộp BTCT đúc sẵn tải trọng HL 93 cống đặt trên lớp bê tông móng M150, đệm móng đá dăm 2x4. Gia cố móng bằng cọc tre D6-8cm, L=2,5m. Hèm phai cống đỡ BTXM M200 tại chỗ.

f. Ống chờ kỹ thuật ngang đường:

- Bố trí cống BTCT đúc sẵn D300 tại những đoạn qua đường để phục vụ đầu nối đường ống cấp nước và hệ thống điện, thông tin liên lạc, ...

- Hố ga (đầu nối cống D300 ngang đường): tường xây gạch không nung VXM mác 75 trên móng BTXM mác 200, đệm đá dăm 2x4. Trát lòng trong bằng VXM mác 75. Tấm đan hố ga BTCT đúc sẵn.

g. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

* Điện trung thế:

+ Đường cáp ngầm 35kV cấp điện trạm biến áp khu dân cư mới:

- Xây dựng mới hạ ngầm tuyến đường dây 35kV điện cho TBA xây dựng mới điểm đầu nối cấp điện tại cột 10 nhánh KDC số 1 xã Hải Triều lộ 372-E28.7. Tuyến đường dây xây dựng mới đi dọc theo vỉa hè của dự án. Cáp ngầm 35kV sử dụng loại Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-Wter 3x50mm² -35(40,5)kV. Cáp ngầm 35kV được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE có đường kính ngoài Φ130/110 đặt trực tiếp trong đất, được phủ bằng lớp cát mịn, xếp 01 lớp tấm đan bê tông, phủ 01 lớp cát mịn, lưới báo hiệu cáp, 01 lớp đất tự nhiên. Tiếp địa cột điểm đầu dùng cọc thép hình L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{td} \leq 4\Omega$ trong mọi thời tiết.

+ Trạm biến áp cấp điện khu dân cư mới:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp Compact hợp bộ ngoài trời có công suất 320kVA-35(22)/0,4kV; Trạm biến áp đặt tại khu đất HTKT của dự án, thuận tiện cho công tác quản lý vận hành sau này. Nguồn điện lấy từ cột 10 nhánh KDC số 1 xã Hải Triều lộ 372-E28.7 qua tuyến cáp ngầm xây dựng mới.

* Điện hạ thế:

- Cáp ngầm từ tủ điện tổng hạ thế đặt trong thân trụ trạm biến áp đến các tủ phân phối sử dụng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện $3 \times 70 + 1 \times 50 \text{ mm}^2$ và $3 \times 120 + 1 \times 95 \text{ mm}^2$. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE đường kính tương ứng với tiết diện cáp đảm bảo $D_{\text{ống}} \geq 1,5 D_{\text{cáp}}$, đoạn qua đường luồn trong ống thép D150 chôn ngầm dưới đất, phía trên đặt băng bảo hiệu cáp ngầm và lớp gạch chỉ bảo vệ cáp ngầm; trên mặt đặt mốc báo hiệu cáp ngầm khoảng cách 10m/mốc.

- Tủ phân phối: làm bằng tôn sơn tĩnh điện, mở cánh hai mặt, lắp đặt tối đa được 9 công tơ 1 pha hoặc 3 pha. Lắp 01 ATM tổng 150A; bộ cầu đấu và các thanh để gá lắp công tơ.

- Bệ đỡ tủ phân phối bằng bê tông mác 200 đúc sẵn có chôn sẵn bộ khung móng bu lông chờ bắt tủ. Bệ đỡ tủ phân phối đặt trên vỉa hè; mặt bệ tủ cao hơn vỉa hè 500mm.

- Tại mỗi vị trí tủ lắp đặt một bộ tiếp địa RC-1, tiếp địa sử dụng cọc chữ V63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{\text{td}} \leq 10 \Omega$ trong mọi thời tiết.

* Điện chiếu sáng:

- Chiếu sáng đường phố bố trí ở một bên đường, sử dụng cột đèn chiếu sáng bát giác côn liên tục (cần cao 2,0m, vươn 1,5m); bố trí cột đèn cao 9,0m (cả cần), lắp đèn Led 230V/120W, khoảng cách trung bình giữa các cột đèn là 30m/1 cột.

- Móng cột đèn chiếu sáng kích thước 0,8x0,8x1,0m đổ bê tông mác 150 có chôn sẵn khung móng M24x300x300x675 chờ bắt cột đèn.

- Chiếu sáng trang trí dùng loại đèn nhôm thân cột được sơn trông xỉ màu xanh dương. Chiều cao cột đèn: Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại tròn côn 4m.

- Móng cột đèn trang trí kích thước 0,6x0,6x0,8m đổ bê tông mác 150 có chôn sẵn khung móng M216x240x240x500 chờ bắt cột đèn.

- Cáp từ tủ chiếu sáng tới các bảng điện cột đèn dùng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC- $3 \times 10 \text{ mm}^2 + 1 \times 6 \text{ mm}^2$. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D65/50, đoạn qua đường luồn trong ống thép D80 chôn ngầm dưới đất, trên có đặt lớp gạch đặc bảo vệ và lớp băng báo hiệu cáp ngầm; từ bảng điện cột đèn lên đèn dùng dây 0,6kV-Cu/PVC/PVC- $3 \times 1,5 \text{ mm}^2$.

- Sử dụng 01 tủ điều khiển chiếu sáng đặt ở khu HTKT gần trạm biến áp xây dựng mới ở trên. Tủ dùng Role thời gian, có chế độ điều khiển đóng ngắt tự động và bán tự động, tiết kiệm năng lượng; thời gian đóng cắt có thể điều chỉnh theo yêu cầu. Móng tủ đổ bê tông mác 200 chôn sẵn bộ khung móng thép M16x650 chờ bắt tủ.

- Tiếp địa đèn chiếu sáng: sử dụng tiếp địa bằng cọc thép V63x63x6mm, dài 2,5m đóng gần cột và dây nối đất thép dẹt (40x4)mm. Điện trở nối đất của hệ

thông phải đảm bảo không lớn hơn 4Ω .

- Tiếp địa tủ tiếp địa liên hoàn: Thiết kế lắp đặt tiếp địa an toàn tại vị trí tủ điện và cột đèn bằng cọc thép V63x63x6 dài 2,5m và dây thép D10 được mạ kẽm nhúng nóng kết hợp với hệ thống tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng M10 nối hệ thống tiếp địa tủ điện với các cột đèn chiếu sáng; tại vị trí tủ điện thiết kế tiếp địa RC2, các vị trí khác thiết kế tiếp địa R1C; các vị trí lắp tiếp địa lặp lại thiết kế tiếp địa RC3 điện trở của hệ tiếp đất đảm bảo không quá 10Ω .

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- * Số bước thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công)
- * Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
 - QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
 - QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.
 - QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
 - QCVN QTĐ-5: 2008; QCVN QTĐ-6: 2008; QCVN QTĐ-7: 2008; QCVN QTĐ-8 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện.
 - TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát.
 - TCCS 41:2020/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế đường ô tô trên nền đất yếu.
 - TCVN 4054-2005 Tiêu chuẩn quốc gia: Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 13592:2022 Tiêu chuẩn quốc gia: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 13606:2023 Tiêu chuẩn quốc gia: Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 7957-2023 Tiêu chuẩn quốc gia: Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài- Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 2737: 2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5573: 2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5574: 2018: Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5575:2024: Thiết kế kết cấu thép.
 - TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
 - TCVN 13608:2023 Tiêu chuẩn quốc gia: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 8859: 2023: Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô.
 - TCVN 14270:2024 - Nhũ tương nhựa đường axit thẩm bám (EAP), yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu.
 - TCVN 13567-1: 2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8818 - 2011- Nhựa đường lỏng.
- Quy phạm trang bị điện - Phần Qui định chung 11TCN-18-2006;
- Quy phạm trang bị điện - Hệ thống đường dẫn điện 11TCN -19-2006;
- Quy phạm trang bị điện - Trang bị phân phối và trạm biến áp: 11TCN -20-2006;
- Quy phạm trang bị điện - Bảo vệ và tự động: 11TCN 21-2006;
- Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp- yêu cầu chung: TCVN 9358:2012.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc (Quy định tạm thời) ngày 03/02/2016.

- Các quy trình, quy phạm hiện hành có liên quan tới xây dựng công trình;

11. Tổng mức đầu tư: 46.787.351.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng./.)

Trong đó:

+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	7.000.000.000	đồng
+ Chi phí xây dựng:	29.854.073.000	đồng
+ Chi phí thiết bị:	1.587.842.000	đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	682.004.000	đồng
+ Chi phí tư vấn xây dựng:	2.278.660.000	đồng
+ Chi phí khác:	1.120.723.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	4.264.049.000	đồng

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã (từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Thời gian thực hiện: 2025-2027.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Tỉnh.

Điều 2. Chủ đầu tư, các phòng, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Hạnh